

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/DS-ST
Ngày 24/11/2022
V/v tranh chấp tranh chấp
Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Thí
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thái Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2022/TLST – DS, ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty G; địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà P, số 5 đường D1, phường L, thành phố T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đăng T; địa chỉ: 89 H, phường H, quận C, thành phố Đ (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: thôn T, xã I, huyện Ia, tỉnh G(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 10/9/2018 bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng tín dụng số 20180918-0000608 với Công ty V vay số tiền 42.200.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi 65.188.879đ trong

thời hạn 24 tháng với hình thức trả góp; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 2.743.965đ, tháng cuối cùng trả 2.077.684đ; thời gian bắt đầu trả nợ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 12/9/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 10/10/2018 đến ngày 14/5/2019 bà M đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 21.989.000đ, trong đó tiền gốc là 10.387.442đ và tiền lãi là 11.601.558đ. Kể từ ngày 15/5/2019 đến nay bà M không tiếp tục thanh toán cho Công ty. Ngày 29/3/2021, khoản nợ của bà M đã được Công ty chuyển nhượng cho Công ty G theo Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0003. Nay Công ty G yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ gốc còn lại là 31.812.558đ tính đến ngày 12/9/2020 và lãi là 11.387.321đ tính đến ngày 12/9/2020, tổng cộng cả gốc và lãi là 43.199.879đ. Ngoài ra Công ty không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn đã được Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, cũng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Công ty G khởi kiện bà Nguyễn Thị M để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Do vậy đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 20180918-0000608 ngày 10/9/2018 được giao kết giữa Công ty V và bà M theo hình thức trả góp. Theo thỏa thuận, Cty cho bà M vay 42.200.000đ để chi tiêu cá nhân với lãi suất 3,92%/tháng, thời hạn trả trong vòng 24 tháng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 12/10/2018 đến ngày 12/9/2020. Xét nội dung thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng nói trên phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có hiệu lực.

Đến hạn ngày 12/9/2020 bà M chỉ trả được 21.989.000đ, trong đó tiền gốc là 10.387.442đ và tiền lãi là 11.601.558đ là thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 29/3/2021 Công ty V chuyển nhượng khoản nợ của bà M cho Công ty G. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc còn lại 31.812.558đ là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét nội dung thỏa thuận mức lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi đối với khoản vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi tối đa 47%/năm) là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi còn lại là 11.387.321đ.

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.159.993đ án phí dân sự sơ thẩm đề sung quỹ nhà nước. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.079.997đ theo biên lai thu số 0008578 ngày 06/6/2022 của Chi cục THADS huyện Ia Grai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty G.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Galaxy 31.812.558đ tiền nợ gốc và 11.387.321đ tiền lãi, tổng cộng là 43.199.879đ (*bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/11/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.159.993đ (*hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đề sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Công ty G tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.079.997đ (*một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng*) theo biên lai thu số 0008578 ngày 06/6/2022 của Chi cục THADS huyện Ia Grai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Chí Công